

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P,
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 08/2025/ HNGĐ -ST

Ngày: 06 – 01 – 2025

“V/v ly hôn giữa
chị N và anh T”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Hồ Thị Kim Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Chi

2. Ông Lê Thanh Tân

- **Thư ký phiên tòa:** ông Nguyễn Thái Ngọc là Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** ông Lê Thanh Phong – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2025 tại Tòa án nhân dân huyện P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 500/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2024 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 490/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** chị Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1983, (có đơn xin vắng mặt).

Nơi cư trú: tổ B, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

Số điện thoại: 0773.808.589.

2. **Bị đơn:** anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1985, (vắng mặt).

Nơi cư trú: tổ H, ấp H, xã P, huyện P, tỉnh An Giang.

Số điện thoại: 0918.696.756.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện ngày 07 tháng 8 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim N trình bày:*

+ Về quan hệ hôn nhân: sau thời gian tìm hiểu về tình cảm, năm 2006 chị và anh Nguyễn Văn T tự nguyện kết hôn, có tổ chức lễ cưới, đến năm 2008 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh An Giang và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 129/BH ngày 03/10/2008. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do anh T không quan tâm gia đình, đi làm xa tại thị xã T, tỉnh An Giang, vài tháng có về nhà một lần, tiền bạc anh làm ra chỉ để tiêu xài cá nhân và dùng để chơi cờ bạc, nhậu nhẹt, không phụ giúp chị nuôi con, anh T còn có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác. Chị và gia đình bên chồng nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh T vẫn không thay đổi, mỗi lần anh T về nhà thì anh đi nhậu nhẹt với bạn bè, không quan tâm vợ con. Năm 2023, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dần, chị và anh T chính thức ly thân, trong thời gian ly thân anh T vẫn ít về nhà, chỉ về khi nhà có đám tiệc, vợ chồng không thể hàn gắn tình cảm. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

+ Nuôi con chung: có 02 người con chung tên Nguyễn Ngọc Tường V, sinh ngày 20/10/2008 và Nguyễn Ngọc Nhã T1, sinh ngày 22/10/2018, hiện tại hai con do chị N nuôi dưỡng. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

+ Về chia tài sản và nợ chung: không có.

Ngày 06 tháng 11 năm 2024 chị Nguyễn Thị Kim N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Anh Nguyễn Văn T (là bị đơn) đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng không gửi cho Tòa án văn bản nêu ý kiến của mình về yêu cầu của nguyên đơn, không đến Tòa án làm việc và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên không ghi nhận được ý kiến của anh T.

- Tại Tờ tường trình ngày 06/11/2024 của ông Nguyễn Thành C, sinh năm 1948, ông cho biết ông là cha ruột của chị Nguyễn Thị Kim N, chồng của N là Nguyễn Văn T. Việc vợ chồng mâu thuẫn như thế nào thì ông không biết, năm 2017 N quay về sống chung với ông tại tổ B, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang và cho biết anh T ăn nhậu nhiều, cờ bạc, gái gú, không quan tâm vợ con, N và T đã ly thân từ năm 2023 đến nay, thỉnh thoảng T có về nhà ông để thăm con, nhưng không thấy T hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay, N xin ly hôn với T thì ông không có ý kiến, tùy Tòa án quyết định.

- Tại Biên bản xác minh ngày 08/11/2024 của Tòa án xác minh bà Lê Thị B (dì ruột của anh Nguyễn Văn T), về tình trạng hôn nhân của chị N và anh T. Bà B cho biết, vợ của T là Nguyễn Thị Kim N. Vợ chồng mâu thuẫn như thế nào thì bà không biết, nhưng bà có nghe N kể lại việc N nộp đơn khởi kiện xin ly hôn do T không biết quan tâm vợ con, có quan hệ ngoại tình, bà có khuyên N và T trở về hàn gắn, N có nói với T về nhà lo làm ăn vì chỗ làm của anh T đang ế ẩm, T có vay mượn nợ thì vợ chồng cùng nhau làm ăn để trả nợ, bà muốn chị N và anh T hòa giải hàn gắn tình cảm. Nếu N cương quyết ly hôn thì bà cũng không có ý kiến,

tùy Tòa án quyết định, bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho T và sẽ thông báo cho T biết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng nguyên đơn chấp hành đúng quy định, riêng bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim N đối với anh Nguyễn Văn T theo khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; về nuôi con chung, giao 02 người con chung tên Nguyễn Ngọc Tường V, sinh ngày 20/10/2008 và Nguyễn Ngọc Nhã T1, sinh ngày 22/10/2018 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, hiện tại chị N đang nuôi dưỡng hai con, chị N không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét; chia tài sản và nợ chung không có; về án phí, chị N phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: chị Nguyễn Thị Kim N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn T, Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố Tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị N và anh T.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Hôn nhân của chị N và anh T là hợp pháp, vì anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Xét tình trạng hôn nhân của anh chị thấy rằng, theo chị N khai do anh T đi làm xa, nhậu nhẹt, cờ bạc, ngoại tình, không quan tâm vợ con, tiền bạc anh T làm ra chỉ để phục vụ cho nhu cầu cá nhân, chị đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng bằng việc gọi anh T về nhà làm ăn, chăm lo cho gia đình nhưng anh T không sửa đổi mà vẫn để chị một mình ở nhà nuôi con, tình cảm vợ chồng từ đó cũng lạnh nhạt dần, người thân hai bên cũng thấy anh chị không sống chung và hàn gắn tình cảm. Từ lúc chị N khởi kiện ly hôn đến nay anh T cũng không hàn gắn tình cảm vợ chồng. Cho thấy hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, cho ly hôn giữa chị N và T.

[2.2] Về nuôi con chung: có 02 người con chung tên Nguyễn Ngọc Tường V, sinh ngày 20/10/2008 và Nguyễn Ngọc Nhã T1, sinh ngày 22/10/2018. Từ trước đến nay chị N nuôi dưỡng, chăm sóc cháu V và cháu T1, cháu V có văn bản nêu nguyện vọng được tiếp tục sống chung với chị N. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử giao 02 người con Nguyễn

Ngọc Tường V và Nguyễn Ngọc Nhã T1 cho chị N nuôi dưỡng. Tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*”, nhưng chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con là tự nguyện của chị, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Căn cứ khoản 3 Điều 82, Điều 83, 84, 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở; vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay việc cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] Về chia tài sản: chị N khai không có, nên không đề cập.

[2.5] Về nợ chung: ghi nhận chị Nguyễn Thị Kim N xác định không có nợ chung. Nếu sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của chị Nguyễn Thị Kim N và anh Nguyễn Văn T trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm, chị N phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83, 84, 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Kim N và anh Nguyễn Văn T.

2. Về nuôi con chung: giao 02 người con chung tên Nguyễn Ngọc Tường V, sinh ngày 20/10/2008; Nguyễn Ngọc Nhã T1, sinh ngày 22/10/2018 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, hiện tại chị N đang nuôi dưỡng hai con Tường V, Nhã T1.

Anh Nguyễn Văn T không trực tiếp nuôi con, anh có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay việc cấp dưỡng cho con.

3. Về chia tài sản: không có.

Về nợ chung: ghi nhận chị Nguyễn Thị Kim N xác định không có nợ chung. Nếu sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của chị Nguyễn Thị Kim N và anh Nguyễn Văn T trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: chị Nguyễn Thị Kim N phải chịu 300.000đ, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0006283 ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh An Giang.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS H. Phú Tân;
- UBND xã Phú Hưng, H. Phú Tân, AG
- UBND xã Bình Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Kim Phương